TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2019
V/v: " Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Nguyễn Thanh Bình

2/Ông Nguyễn Thị Thu Trang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không tham dự phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11/3/2019 về việc "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 8/4/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1990 (có mặt)

ĐKHKTT: Tổ 11,ấp TV, xã TL, huyện BT, VL.

Tạm trú: ấp TH, xã TB, huyện BT, tỉnh VL.

*Bị đơn: Anh Lê Công Đ, sinh năm: 1992 (có mặt)

ĐKHKTT: Tổ 11,ấp TV, xã TL, huyện BT, VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 5/3/2019 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Vào năm 2014 tôi và anh Lê Công Đ quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu và được gia đình đôi bên chấp nhận nên chúng tôi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện BT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/6/2014. Nữ trang ngày cưới gồm 10 chỉ vàng 24k (1 đôi bông hoa tai, 1 lắc, 1 sợi dây chuyền). Hiện tại sử dụng hết.

Sau ngày cưới chúng tôi sống chung tại ấp TV, xã TL, huyện BT. Thời gian đầu chúng tôi sống rất hạnh phúc được 3 năm và sinh được 2 con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 19/7/2015, Lê Bảo A, sinh ngày 26/3/2017 hiện cháu đang sống chung với tôi.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chúng tôi không tạo lập tài sản chung, không thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng chúng tôi.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chúng tôi ly thân từ tháng 9/2017. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn lại tình cảm được nên tôi quyết định xin ly hôn anh Đ.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết :

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi xin được ly hôn anh Lê Công Đ.

- Về con chung: Lê Gia B, sinh ngày 19/7/2015, Lê Bảo A, sinh ngày 26/3/2017. Tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tôi yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 tháng/1 cháu x 2 cháu = 2.000.000 đồng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

-Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Anh Lê Công Đ là bị đơn không nộp bản khai trình bày ý kiến.

*Tại biên bản hòa giải ngày 25/3/2019, anh Lê Công Đ trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, nữ trang ngày cưới, tài sản chung và quá trình sống chung, có đăng ký kết hôn. Nay chị H xin ly hôn tôi đồng ý. Về con chung: Tôi đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 19/7/2015, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Tôi yêu cầu được nuôi cháu Lê Bảo , sinh ngày 26/3/2017, tôi không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chúng tôi ly thân từ tháng 9/2017. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn lại tình cảm được nên tôi quyết định xin ly hôn anh Đức.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết :

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi xin được ly hôn anh Lê Công Đ.

- Về con chung: Lê Gia B, sinh ngày 19/7/2015, Lê Bảo A, sinh ngày 26/3/2017. Tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tôi yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 tháng/1 cháu x 2 cháu = 2.000.000 đồng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

-Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

-Bị đơn anh Lê Công Đức trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày của chị Hiếu về thời gian kết hôn, nữ trang ngày cưới, tài sản chung và quá trình sống chung, có đăng ký kết hôn và mâu thuẫn gia đình là đúng. Nay chị Hiếu xin ly hôn tôi đồng ý. Về con chung: Tôi đồng ý để chị Hiếu tiếp tục nuôi con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 19/7/2015, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Tôi yêu cầu được nuôi cháu Lê Bảo A, sinh ngày 26/3/2017, tôi không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã TL, huyện BT, tỉnh VL và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BT.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2014, chị Lê Thị H và anh Lê Công Đ kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn, cha mẹ hai bên đồng ý. Do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn lại tình cảm được nên chị H quyết định xin ly hôn anh Đ. Anh Lê Công Đ cho rằng mâu thuẫn gia đình như chị H trình bày là đúng, Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Do đó áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của chị Lê Thị H và anh Lê Công Đ.

[4]Xét về con chung: Chị Lê Thị H và anh Lê Công Đ sống chung với nhau có sinh 2 con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 19/7/2015, Lê Bảo A, sinh ngày 26/3/2017. Hiện chị H đang nuôi dưỡng 2 cháu. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 tháng/1 cháu x 2 cháu = 2.000.000 đồng cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Anh Đ không đồng ý để 2 cháu cho chị Hiếu nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mà anh Đ yêu cầu được nuôi 1 con chung tên Lê Bảo A, sinh ngày 26/3/2017, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ và chị H được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Xét thấy từ khi chị H và anh Đ sống ly thân nhau cho tới nay, anh H không đến thăm nom, chăm sóc con chung. Chị H tự chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu và để ổn định môi trường sống của hai cháu nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho chị H được tiếp tục nuôi hai con chung là phù hợp. Xét anh Lê Công Đ yêu cầu được nuôi cháu Lê Bảo A, sinh ngày 26/3/2017, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Cháu Lê Bảo A, sinh ngày 26/3/2017 tính đến nay cháu Bảo A chưa được 3 tuổi nên áp dụng vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì yêu cầu của anh Lê Công Đ không được chấp nhận. Xét việc chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con 1 tháng 1.000.000 đồng/ 1 cháu x 2 cháu = 2.000.000 đồng, anh Đ là lao động phổ thông không nghề và không có việc làm ổn định, gia đình ở nông thôn nên buộc anh Đ cấp dưỡng ½/1 tháng lương cơ bản là phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó 1 tháng lương cơ bản của lao động phổ thông không nghề bằng 1.390.000 đồng thì ½/1 tháng lương cơ bản là 695.000 đồng và làm tròn số là 700.000 đồng/1 tháng x 2 cháu bằng 1.400.000 đồng. Căn cứ vào Điều 58,

81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Buộc anh Lê Công Đ cấp dưỡng nuôi con 1.400.000 đồng/1 tháng/2 cháu đến khi 2 cháu tròn 18 tuổi. Anh Đ được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Nếu anh Đ chậm thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì hàng tháng phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[5]Về quan hệ tài sản: Chị H và anh Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Chị Lê Thị H nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015351 ngày 5/3/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện BT thu. Vậy chị H không phải nộp thêm

-Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê Công Đ nộp 300.000 đồng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Lê Công Đ.

2/Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H.

Chị Lê Thị H tiếp tục nuôi con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 19/7/2015, Lê Bảo A, sinh ngày 26/3/2017. Buộc anh Lê Công Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.400.000 đồng/1 tháng đến khi hai cháu tròn 18 tuổi.

Anh Đ được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Kể từ khi chị Lê Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Công Đ chưa chịu thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm

thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3/Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

-Chị Lê Thị H nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015351 ngày 5/3/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện BT thu. Vậy chị H không phải nộp thêm.

-Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê Công Đ nộp 300.000 đồng

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Lê Thị H, bị đơn anh Lê Công Đ biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSH Bình Tân;
- THAH Bình Tân;
- UBND xã Tân Lược, Bình Tân, Vĩnh Long;
- các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thành Tựu